

Đơn vị dự toán: Bệnh viện Đa khoa tỉnh

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH QUẢNG NINH

ĐÃ NHẬP TABMIS

Số483...../QLNS

Ngày...21...tháng...5...năm 2021

(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017) của Bộ Tài chính

Số: (2)..... Năm NS: 2021

Mẫu số C6-03/NS

PHIẾU PHÂN BỐ DỰ TOÁN

Nội dung phân bổ: V/v bổ sung dự toán chi NSNN năm 2021- kinh phí để thực hiện chế độ đặt thù trong phòng, chống dịch COVID-19 (đợt 1)

Nguồn Kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí phòng, chống dịch, dự toán ngân sách tỉnh năm 2021

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Cấp dự toán	Quyết định/ Thông báo giao dự toán		Mã loại dự toán	TKKT	Mã cấp NS	Mã ĐVQHNS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA và HTCT	Mã KBNN	Mã nguồn NSNN	Số tiền		Số lô bút toán, số ID, Sổ giao dịch Dossier
			Số	Ngày										Nợ	Có	
I	Chi đầu tư phát															
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	Cấp 0 Cấp 1 Cấp 4 (Dự toán) Cấp 4 (Lệnh chỉ triển)														
II	Chi thường xuyên	Cấp 0														
		Cấp 1	1490/QĐ-UBND	13/05/2021	01	9253	2	1049934	423	130	99999	2811	29		191.674.000	
		Cấp 4 (Dự toán tự chủ)														
		Cấp 4 (Dự toán không tự chủ)	839/QĐ-SYT	13/05/2021	01	9527	2	1017339	423	132	00000	2811	12	191.674.000		
		Cấp 4 (LCT tự chủ)														
		Cấp 4 (LCT không tự chủ)														
....																
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...

Hạ long, ngày 15 tháng 5 năm 2021

CQ tài chính ghi sổ ngày 21 tháng 5 năm 2021

Người lập

Kiểm soát

Thủ trưởng đơn vị (5)

Người nhập

Kiểm soát

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thành Trung

Nguyễn Thị Vinh



GIÁM ĐỐC
Trịnh Văn Mạnh

Nguyễn Việt Khoa

Nguyễn Việt Khoa

Hoàng Việt Cường

Hoàng Việt Cường



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Vũ Đình Xương

Vũ Đình Xương

Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạ long, ngày 15 tháng 5 năm 2021

**THUYẾT MINH CHI TIẾT PHẦN KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ THEO NỘI DUNG,
NHIỆM VỤ CHI ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN GIAO NĂM 2021**

(PL3 kèm theo mẫu C 06-03/NS)

Nội dung phân bổ: V/v bổ sung dự toán chi NSNN- kinh phí để thực hiện chế độ đặt thù trong phòng, chống dịch COVID-19 (đợt 1)

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Nhiệm vụ A:	191.674.000	
1	Hỗ trợ tiền ăn cho người bị áp dụng biện pháp cách ly	12.560.000	theo NQ 37/NQ-CP ngày 29/3/2020 của Chính phủ
2	Hỗ trợ sinh hoạt thiết yếu cho người bị áp dụng biện pháp cách ly		theo NQ 37/NQ-CP ngày 29/3/2020 của Chính phủ
3	Hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh đối với trường hợp người bị áp dụng biện pháp cách ly	2.914.000	theo NQ 37/NQ-CP ngày 29/3/2020 của Chính phủ
4	Phụ cấp chống dịch	96.400.000	theo NQ 37/NQ-CP ngày 29/3/2020 của Chính phủ và NQ 245/NQ-HĐND của Tỉnh
	Phụ cấp thường trực 24/24	79.800.000	theo NQ 37/NQ-CP ngày 29/3/2020 của Chính phủ và NQ 245/NQ-HĐND của Tỉnh
2	Nhiệm vụ B		
			
	Tổng số	191.674.000	

Tổng số tiền (Bằng chữ): Một trăm chín mươi một triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn đồng

Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Kế toán

(ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Vinh

Thủ trưởng



GIÁM ĐỐC

Trịnh Văn Mạnh

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 – Kinh phí thực hiện chế độ đặc thù trong phòng chống dịch Covid 19 (đợt 1)

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật ngân sách số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Y tế Quảng Ninh; Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 về sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND;

Căn cứ Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc cấp bổ sung kinh phí cho Sở Y tế để thực hiện chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid 19 (Đợt 1 từ 01/12/2020 đến ngày 31/01/2021),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 cho các đơn vị trực thuộc thực hiện chế độ đặc thù trong phòng chống dịch Covid 19 (đợt 1) năm 2021 (từ 01/12/2020 đến 31/01/2021).

Số tiền: **3.928.599.000 đồng** (Chi tiết theo phụ lục gửi kèm).

Nguồn kinh phí: Nguồn kinh phí phòng chống dịch, dự toán ngân sách tỉnh năm 2021.

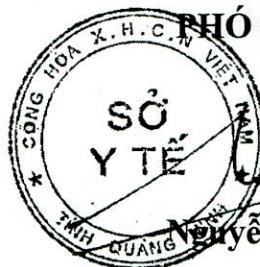
Điều 2. Căn cứ dự toán thu chi ngân sách nhà nước được giao, Các đơn vị thực hiện nhập Tabmis 03 bản và thực hiện chi trả các chế độ đặc thù theo đúng hướng dẫn của Sở Tài chính và Nghị quyết 245/2020/NQ-HĐND ngày 31/3/2020 của HĐND Tỉnh. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về quy trình, đối tượng, thủ tục thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Các Ông (bà): Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính; Chánh văn phòng Sở và Thủ trưởng đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- Công TTĐT SYT (C/khai)
- Sở Tài chính;
- KBNN giao dịch;
- Lưu: VT, KHTC5.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Minh Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

Số: **1490/QĐ-UBND**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Quảng Ninh, ngày **13** tháng **5** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp bổ sung kinh phí cho Sở Y tế để thực hiện
chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID-19
(Đợt 1 từ ngày 01/12/2020 đến ngày 31/01/2021)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Công điện của Thường trực Ban Bí Thư Trung ương Đảng ngày 27/4/2021 về việc tiếp tục tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 29/3/2020 của Chính phủ về một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 447/QĐ-TTg ngày 01/04/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc công bố dịch COVID-19;

Căn cứ Công điện số 05/CĐ-TTg ngày 28/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 trong tình hình mới;

Căn cứ Thông báo số 22/TB-VPCP ngày 30/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về phòng, chống dịch COVID-19;

Căn cứ Công điện số 540/CĐ-TTg ngày 23/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, hoạt động tổ chức các chuyến bay đưa người nhập cảnh Việt Nam;

Căn cứ Công điện số 541/CĐ-TTg ngày 23/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện phòng, chống bệnh COVID-19;

Căn cứ Công điện số 570/CĐ-TTg ngày 02/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch COVID-19;

Căn cứ Thông báo số 98/TB-VPCP ngày 08/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại cuộc họp trực tuyến toàn quốc của Ban Chỉ đạo quốc gia phòng, chống dịch COVID-19;

Căn cứ Chỉ thị số 09 - CT/TU ngày 03/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đợt cao điểm phòng, chống dịch COVID-19 trong tình hình mới;

Căn cứ Thông báo số 195-TB/TU ngày 07/5/2021 của Tỉnh ủy thông báo ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống dịch COVID-19 về việc triển khai các biện pháp cấp bách, chống dịch bệnh COVID-19 trong tình hình mới tại cuộc họp ngày 07/5/2021;

Căn cứ Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 31/3/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19 đảm bảo an sinh xã hội và ổn định tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-HĐND ngày 08/02/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số giải pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19 đảm bảo an sinh xã hội và ổn định tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 4589/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Văn bản 1666/SYT-KHTC ngày 26/4/2021 và của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2283/TTr-STC ngày 04/5/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp 3.928.599.000 đồng (Ba tỷ, chín trăm hai mươi tám triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn đồng) bổ sung kinh phí cho Sở Y tế thực hiện chi chế độ đặc thù phòng chống dịch COVID-19 (đợt 1 từ ngày 01/12/2020 đến 31/01/2020), trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ cho người bị áp dụng biện pháp cách ly: 209,130 triệu đồng;
- Kinh phí Hỗ trợ sinh hoạt thiết yếu cho người bị áp dụng biện pháp cách ly: 169,705 triệu đồng;
- Kinh phí khám, chữa bệnh khác đối với trường hợp người bị áp dụng biện pháp cách ly: 285,104 triệu đồng;
- Kinh phí phụ cấp chống dịch: 1.731,150 triệu đồng;
- Kinh phí phụ cấp thường trực 24/24 giờ: 947,310 triệu đồng;
- Kinh phí Hỗ trợ tiền ăn cho người được huy động, phân công tham gia phòng chống dịch, phục vụ cách ly: 208,640 triệu đồng;
- Kinh phí bồi dưỡng công tác viên tham gia chống dịch trên địa bàn: 173,680 triệu đồng;
- Chi khác: 203,880 triệu đồng.

(chi tiết kèm theo Quyết định này)

Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn nguồn kinh phí phòng chống dịch, dự toán ngân sách tỉnh năm 2021.

Điều 2. Giao Sở Y tế căn cứ Điều 3 Nghị định số 245/2020/NQ-HĐND ngày 31/3/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Hướng dẫn của Sở Tài chính và các quy định hiện chi trả kinh phí hỗ trợ (tiền ăn, vật dụng thiết yếu) cho người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế và chế độ phụ cấp chống dịch, chế độ hỗ trợ cho người tham gia thường trực chống dịch và chịu trách nhiệm về quy trình, đối tượng, thủ tục thanh quyết toán theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Các Ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ninh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - V0-2, VX3, TH;
 - Lưu: VT, TM3.
- 5b. QĐ 5-28

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tường Văn

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID THEO NGHỊ QUYẾT 37/NQ-CP VÀ NGHỊ QUYẾT 245/NQ-CP ĐỢT 1.2021

DVT: nghìn đồng

TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện chi	Tổng kinh phí (nghìn đồng)	Hỗ trợ tiền ăn cho người bị áp dụng biện pháp cách ly			Hỗ trợ sinh hoạt thiết yếu khác cho người bị áp dụng biện pháp cách ly (40.000đ/ngày)			Chi phí khám, chữa bệnh khác đối với trường hợp người bị áp dụng biện pháp cách ly			Phụ cấp chống dịch			Phụ cấp thường trực 24/24 giờ (bao gồm cả PC cho người làm việc Chốt KSLN)			Hỗ trợ tiền ăn cho người được huy động, phân công tham gia phòng chống dịch, phục vụ cách ly			Bồi dưỡng công tác viên tham gia chống dịch trên địa bàn			Chi khác (chỉ tiết PL 2)
			Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hỗ trợ đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hỗ trợ đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Số người	Tổng chi phí KCB (nghìn đồng)	NSNN hỗ trợ (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hưởng phụ cấp đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hưởng phụ cấp đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hưởng hỗ trợ đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Số người	Số ngày	Số tiền (nghìn đồng)	
	Tổng cộng:	3.928.599	543	2.668	209.130	766	5.272	169.705	102	285.104	285.104	1.010	7.836	1.731.150	458	4.671	947.310	374	2.608	208.640	302	1.336	173.680	203.880
1	TTYT Móng Cái (bv số 1)	676.025	117	1.008	76.330	153	1.643	24.545	67	197.440	197.440	82	1.207	241.400	25	111	23.310	0	0	0				113.000
2	Bệnh viện Phổi (bv số 2)	841.330	299	1.194	95.520	475	3.159	126.360	27	84.750	84.750	177	1.545	322.900	73	420	54.600	176	1.965	157.200				
3	TT kiểm soát bệnh tật	300.500										31	526	151.400	47	710	149.100							
4	Bệnh viện ĐK tỉnh	191.674	32	157	12.560	0	0	0	8	2.914	2.914	109	482	96.400	107	380	79.800							
5	BV ĐKKV Cẩm Phả	157.020										5	168	102.000	53	262	55.020							
6	BV ĐK Cẩm Phả	41.370													12	197	41.370				0	0	0	
7	BVĐK Hạ Long	26.650																			69	205	26.650	
8	TTYT Đầm Hà	87.410										22	295	60.950	9	126	26.460							
9	TTYT Tiên Yên	61.620							0	0	0	24	180	36.000	12	122	25.620				0	0	0	
10	TTYT Ba Chẽ	106.910	10	23	1.840	10	23	920				13	66	12.800	23	435	91.350							
11	TTYT Bình Liêu	72.720										30	294	59.700	3	62	13.020							
12	TTYT Vân Đồn	153.060							0	0	0	65	646	126.600	9	126	26.460				0	0	0	
13	TTYT Cô Tô	44.820										33	159	31.800	4	62	13.020							
14	TTYT Hạ Long	115.720										42	329	64.900	15	242	50.820				0	0	0	
15	TTYT Uông Bí	87.230										17	97	19.400	17	323	67.830							
16	TTYT Quảng Yên	101.200										83	506	101.200	0	0	0							
17	TT YT Đông Triều	223.610	79	268	21.440	128	447	17.880				139	433	122.300				161	536	42.880	40	147	19.110	
18	TT KDYT quốc tế	0										0	0	0	0	0	0							

TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện chi	Tổng kinh phí (nghìn đồng)	Hỗ trợ tiền ăn cho người bị áp dụng biện pháp cách ly			Hỗ trợ sinh hoạt thiết yếu khác cho người bị áp dụng biện pháp cách ly (40.000đ/ngày)			Chi phí khám, chữa bệnh khác đối với trường hợp người bị áp dụng biện pháp cách ly			Phụ cấp chống dịch			Phụ cấp thường trực 24/24 giờ (bao gồm cả PC cho người làm việc Chốt KSLN)			Hỗ trợ tiền ăn cho người được huy động, phân công tham gia phòng chống dịch, phục vụ cách ly			Bồi dưỡng cộng tác viên tham gia chống dịch trên địa bàn			Chi khác (chỉ tiết PL 2)
			Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hỗ trợ đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hỗ trợ đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Số người	Tổng chi phí KCB (nghìn đồng)	NSNN hỗ trợ (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hưởng phụ cấp đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hưởng phụ cấp đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hưởng hỗ trợ đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Số người	Số ngày	Số tiền (nghìn đồng)	
19	TT vận chuyển cấp cứu	100.800													7	480	100.800							
20	TTYT Cẩm Phả	78.000										16	54	10.800	16	320	67.200							
21	Văn phòng Sở Y tế	0													0	0	0							
22	TTYT Hải Hà	60.090										6	18	3.600	18	269	56.490							
23	Bệnh viện Sản Nhi	400.840	6	18	1.440							116	831	167.000	8	24	5.040	37	107	8.560	193	984	127.920	90.880



Người ký: Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
Ngày ký: 31/05/2021 11:36:35
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh
Nội dung: Đã hoàn thành thanh toán

Mẫu số 16a1
Ký hiệu C2-02a/NS

Số: .DT52/ 210526_1017339_2811016
Năm NS: 2021

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thực chi ☒ Tạm ứng ☐ Chuyển khoản ☒
Tiền mặt tại KB ☐
Tiền mặt tại NH ☐

Đơn vị rút dự toán: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Tài khoản: 9527.2.1017339

Tại KBNN: VP KBNN Quảng Ninh

Tên CTMT, DA:

Mã CTMT, DA:

Số CKC, HĐK:

Số CKC, HĐTH:

Nội dung thanh toán	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Rút dự toán chi tiền phụ cấp chống dịch Tháng 12/2020 + tháng 01/2021	6114	423	132	12	96.400.000
Rút dự toán chi tiền phụ cấp trực Tháng 12/2020 + tháng 01/2021	6114	423	132	12	79.800.000
Tổng cộng					176.200.000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Một trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng chẵn./.

Đơn vị nhận tiền: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Địa chỉ: P. Bạch Đằng - TP Hạ long - QN

Tài khoản: 440280701009

Tại KBNN (NH): Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Quảng Ninh

Hoặc người nhận tiền:

Số CMND:

Cấp ngày:

Nơi cấp:

PHẦN KBNN GHI

Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Mã ĐBHC:

Ngày...tháng...năm ...

Người nhận tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 27 tháng 05 năm 2021

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Người ký: Nguyễn Thị Vinh
Ngày ký: 27/05/2021 09:52:35
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Thị Vinh

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Người ký: Trịnh Văn Mạnh
Ngày ký: 27/05/2021 10:04:08
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Trịnh Văn Mạnh

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 28 tháng 05 năm 2021

Thủ quỹ

Kế toán

Kế toán trưởng

Người ký: Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
Ngày ký: 28/05/2021 09:16:35
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Giám đốc

Người ký: Nguyễn Thị Tuyết Minh
Ngày ký: 28/05/2021 11:18:08
Chức danh: Phó giám đốc
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh

Nguyễn Thị Tuyết Minh

Mẫu số 07

Mã hiệu:.....

Số: M01/ 210526_1017339_2811017

BẢNG KÊ NỘI DUNG THANH TOÁN/TẠM ỨNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán, Ủy nhiệm chi, Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng số: 210526_1017339_2811016 Năm Ngân sách)

Đơn vị sử dụng Ngân sách: Bệnh viện đa khoa
tỉnh Quảng Ninh
Mã đơn vị: 1017339
Mã nguồn: 01
Mã CTMTQG, Dự án ODA:

Thanh toán trực tiếp ☒
Tạm ứng ☐
Thu hồi tạm ứng ☐

STT	Hóa đơn		Chứng từ		Mã NDKT	Nội dung chi	Số tiền			
	Số	Ngày/tháng/năm	Số	Ngày/tháng/năm			Số lượng	Định mức	Đơn giá thực tế	Thành tiền
1			.DT52	25/05/2021	6114	Rút dự toán chi tiền phụ cấp chống dịch Tháng 12/2020 + tháng 01/2021			0	96.400.000
2			.DT52	25/05/2021	6114	Rút dự toán chi tiền phụ cấp trực Tháng 12/2020 + tháng 01/2021			0	79.800.000
Tổng cộng số tiền bằng số:										176.200.000

Tổng số tiền viết bằng chữ: Một trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng chẵn./.

Trong đó: Số thu hồi tạm ứng.....Số thanh toán :Một trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng chẵn./.

Kế toán trưởng

Người ký: Nguyễn Thị Vinh
Ngày ký: 27/05/2021 09:52:36
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Thị Vinh

Ngày 27 tháng 05 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

Người ký: Trịnh Văn Mạnh
Ngày ký: 27/05/2021 10:04:08
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Trịnh Văn Mạnh

Số: 1120 /QĐ-BVT

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 05 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chi hỗ trợ phụ cấp trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19 đối với Cán bộ Y tế – người lao động tham gia thường trực phòng chống dịch bệnh trong tháng 12 năm 2020

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính Phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 29/3/2020 của Chính Phủ quy định về một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID – 19;

Căn Cứ Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ Tướng Chính Phủ về quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch;

Căn cứ Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh Quy định mức chi phục vụ cách ly Y tế phục vụ phòng, chống dịch Covid – 19;

Căn cứ Quyết định số 894/QĐ-SYT ngày 04/5/2019 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm của công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Y tế Quảng Ninh;

Căn cứ văn bản số 1427/STC-QLNS ngày 03/4/2020 của Sở tài chính tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn chế độ đặc thù và cá chi phí khác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19;

Xét Nghị quyết cuộc họp ngày 09/4/2020 của Ban chỉ đạo Phòng, chống dịch viêm phổi cấp do chủng mới của Virus Cororona của Bệnh viện đa khoa tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chi hỗ trợ phụ cấp trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19 đối với Cán bộ Y tế – người lao động tham gia thường trực phòng chống dịch bệnh trong tháng 12 năm 2020. (Danh sách chi tiết kèm theo). Cụ thể như sau:

- Tháng 12: 33.390.000 đồng

Số người hưởng PC: 37 người

Số ngày : 159 ngày

Điều 2. Tổng số tiền chi: 33.390.000 đồng.

(Bằng chữ: Ba mươi ba triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng chẵn)

Nguồn chỉ được trích từ nguồn thu dự toán chống dịch Covid – 19
năm 2021 (Ngân sách nhà nước)

Điều 3. Các Ông (bà) trưởng các phòng: TCCB, TCKT, KHTH, Ban Chỉ đạo
phòng chống dịch và các ông bà có tên trong danh sách căn cứ quyết định thi hành./*Men*

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC



Trịnh Văn Mạnh

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 245/2020/NQ-HĐND

Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho người tham gia thường trực chống dịch 24/24h

(Kèm theo Quyết định số 1120/QĐ-BVT ngày 19/5/2021 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

ĐVT: đồng

ĐƠN VỊ	STT	Tên cá nhân	Mức hỗ trợ		Từ ngày (mm/dd/yy)	Từ ngày (mm/dd/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
			Phụ cấp thường trực (130.000đ/ng ày)	Tiền ăn (80.000đ /phiên trực)						
	1	2	3	4	5	6	7=6-5	8=(3+4)*7	9	10
		Tổng cộng (I+II)								
	I	Mức phụ cấp thường trực chống dịch 24/24h	130000	80000					QĐ 139/QĐ-BVT ngày 03/02/2020; QĐ 414/QĐ-BVT ngày 27/3/2020;	
	KHU VỰC CÁCH LY									
BNĐ	1	Đinh Việt Hải	130000	80000	1/12/2020	31/12/2020	1	210.000		
BNĐ	2	Phạm Văn Ngà	130000	80000	1/12/2020	31/12/2020	1	210.000		
BNĐ	3	Đinh Thị Hải Hà	130000	80000	1/12/2020	31/12/2020	1	210.000		
BNĐ	4	Đặng Thị Lan Anh	130000	80000	1/12/2020	31/12/2020	1	210.000		
BNĐ	5	Đào Thị Thu Hương	130000	80000	1/12/2020	31/12/2020	1	210.000		
BNĐ	6	Phạm Thị Ánh Tuyết	130000	80000	1/12/2020	31/12/2020	1	210.000		
BNĐ	7	Phạm Thị Bông	130000	80000	1/12/2020	31/12/2020	1	210.000		
	KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH							-		
CĐHA	8	Vũ Việt Anh	130000	80000	1/12/2020	31/12/2020	1	210.000		
	TRỰC LÃNH ĐẠO BAN CHỐNG DỊCH COVID							-		

GĐBV	9	Trịnh Văn Mạnh	130000	80000	1/12/2020	31/12/2020	6	1.260.000		
PGĐ	10	Đặng Thị Thúy	130000	80000	1/12/2020	31/12/2020	7	1.470.000		
PGĐ	11	Nguyễn Huy Tiến	130000	80000	1/12/2020	31/12/2020	6	1.260.000		
PGĐ	12	Vũ Anh Tuấn	130000	80000	1/12/2020	31/12/2020	6	1.260.000		
KHTH	13	Bùi Thị Nguyệt Ánh	130000	80000	1/12/2020	31/12/2020	6	1.260.000		
HẬU CẦN								-		
TT-HCQT	14	Nguyễn Thiên Mừng	130000	80000	1/12/2020	31/12/2020	15	3.150.000		
TT-HCQT	15	Bùi Hữu Hùng	130000	80000	1/12/2020	31/12/2020	16	3.360.000		
TT-HCQT	16	Bùi Đức Toàn	130000	80000	1/12/2020	31/12/2020	1	210.000		
TT-HCQT	17	Chu Minh Tuấn	130000	80000	1/12/2020	31/12/2020	2	420.000		
KHTH	18	Đặng Thị Ánh Tuyết	130000	80000	1/12/2020	31/12/2020	8	1.680.000		
KHTH	19	Nguyễn Thị Thu Phương	130000	80000	1/12/2020	31/12/2020	12	2.520.000		
KHTH	20	Nguyễn Thị Anh Trang	130000	80000	1/12/2020	31/12/2020	11	2.310.000		
KHOA VI SINH								-		
VI SINH	21	Lê Thùy Mai	130000	80000	1/12/2020	31/12/2020	1	210.000		
VI SINH	22	Phạm Tuấn Oanh	130000	80000	1/12/2020	31/12/2020	1	210.000		
VI SINH	23	Phạm Thảo Uyên	130000	80000	1/12/2020	31/12/2020	1	210.000		
VI SINH	24	Trần Văn Tùng	130000	80000	1/12/2020	31/12/2020	1	210.000		
VI SINH	25	Vũ Thùy Trang	130000	80000	1/12/2020	31/12/2020	1	210.000		
KHOA LÂM SÀNG (XN COVID)								-		
Nội HH	26	Bùi Thị Thu Hương	130.000	80.000	1/12/2020	31/12/2020	2	420.000		
Nội HH	27	Phạm Thị Lan Phương	130.000	80.000	1/12/2020	31/12/2020	1	210.000		
Nội HH	28	Nguyễn Hữu Hải	130.000	80.000	1/12/2020	31/12/2020	1	210.000		
PHÒNG KHÁM SÀNG LỌC								-		
HH	29	Trần Nhật Toán	130.000	80.000	1/12/2020	31/12/2020	3	630.000		
HH	30	Đinh Tuấn Anh	130.000	80.000	1/12/2020	31/12/2020	3	630.000		
HH	31	Nguyễn Thị Út	130.000	80.000	1/12/2020	31/12/2020	3	630.000		
HH	32	Bùi Thị Thanh Hương	130.000	80.000	1/12/2020	31/12/2020	4	840.000		

TM	33	Hỷ Thị Lan	130.000	80.000	1/12/2020	31/12/2020	7	1.470.000		
NTH	34	Trần Anh Tuyền	130.000	80.000	1/12/2020	31/12/2020	4	840.000		
NTH	35	Phạm Văn Thạnh	130.000	80.000	1/12/2020	31/12/2020	7	1.470.000		
NTH	36	Đào Phương Diễm	130.000	80.000	1/12/2020	31/12/2020	3	630.000		
KKB	37	Trần Thị Bảy	130.000	80.000	1/12/2020	31/12/2020	12	2.520.000		
		Cộng:					159	33.390.000		



Số: 1123/QĐ-BVT

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 05 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chi hỗ trợ phụ cấp trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19
đối với Cán bộ Y tế – người lao động tham gia thường trực phòng chống dịch
bệnh trong tháng 01 năm 2021**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính Phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 29/3/2020 của Chính Phủ quy định về một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID – 19;

Căn Cứ Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ Tướng Chính Phủ về quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch;

Căn cứ Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh Quy định mức chi phục vụ cách ly Y tế phục vụ phòng, chống dịch Covid – 19;

Căn cứ văn bản số 1427/STC-QLNS ngày 03/4/2020 của Sở tài chính tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn chế độ đặc thù và cá chi phí khác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19;

Xét Nghị quyết cuộc họp ngày 09/4/2020 của Ban chỉ đạo Phòng, chống dịch viêm phổi cấp do chủng mới của Virus Cororona của Bệnh viện đa khoa tỉnh.

Căn cứ Công văn số 704/SYT-NVY ngày 22/2/2021 của Sở Y tế về việc kiện toàn BCD, kế hoạch và phương án đảm bảo an toàn phòng chống dịch Covid – 19;

Căn cứ quyết định số 260/QĐ-BVT ngày 25/2/2021 của Bệnh viện về kiện toàn Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh Covid – 19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chi hỗ trợ phụ cấp trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19 đối với Cán bộ Y tế – người lao động tham gia thường trực phòng chống dịch bệnh trong tháng 01 năm 2021. Cụ thể như sau:

- Tháng 01: 46.410.000 đồng

Số người hưởng PC: 72 người

Số ngày : 221 ngày

Điều 2. Tổng số tiền chi: **46.410.000 đồng.**

(Bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu bốn trăm mười nghìn đồng chẵn)

Nguồn chi được trích từ nguồn thu dự toán chống dịch Covid – 19
năm 2021 (Ngân sách nhà nước)

Điều 3. Các Ông (bà) trưởng các phòng: TCCB, TCKT, KHTH, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch và các ông bà có tên trong danh sách căn cứ quyết định thi hành./ *Mus*

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC



Trịnh Văn Mạnh

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 245/2020/NQ-HĐND

Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho người tham gia thường trực chống dịch 24/24h

(Kèm theo Quyết định số 1123/QĐ-BVT ngày 19/5/2021 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

ĐVT: đồng

ĐƠN VỊ	STT	Tên cá nhân	Mức hỗ trợ		Từ ngày (mm/dd/yy)	Từ ngày (mm/dd/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
			Phụ cấp thường trực (130.000đ/ngày)	Tiền ăn (80.000đ /phiên trực)						
	1	2	3	4	5	6	7=6-5	8=(3+4)*7	9	10
		Tổng cộng (I+II)								
	I	Mức phụ cấp thường trực chống dịch 24/24h	130000	80000					QĐ 139/QĐ-BVT ngày 03/02/2020; QĐ 414/QĐ-BVT ngày 27/3/2020;	
	KHU VỰC CÁCH LY									
BNĐ	1	Đinh Việt Hải	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	2	420.000		
BNĐ	2	Phạm Văn Ngà	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
BNĐ	3	Đinh Thị Hải Hà	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	2	420.000		
BNĐ	4	Đặng Thị Lan Anh	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
BNĐ	5	Bùi Trung Hậu	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
BNĐ	6	Vương Thị Lò	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
BNĐ	7	Đào Thị Thu Hương	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
BNĐ	8	Phạm Thị Ánh Tuyết	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
BNĐ	9	Phạm Thị Bông	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
	KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH									
CDHA	10	Phạm Quang Tuấn Anh	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	4	840.000		
	TRỰC LÃNH ĐẠO BAN CHỐNG DỊCH COVID									
GĐBV	11	Trịnh Văn Mạnh	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	6	1.260.000		
PGĐ	12	Đặng Thị Thúy	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	7	1.470.000		
PGĐ	13	Nguyễn Huy Tiến	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	7	1.470.000		
PGĐ	14	Vũ Anh Tuấn	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	6	1.260.000		

ĐƠN VỊ	STT	Tên cá nhân	Mức hỗ trợ		Từ ngày (mm/dd/yy)	Từ ngày (mm/dd/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
			Phụ cấp thường trực (130.000đ/ngày)	Tiền ăn (80.000đ /phiên trực)						
KHTH	15	Bùi Thị Nguyệt Ánh	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	5	1.050.000		
	HẬU CẦN							-		
TT-HCQT	16	Nguyễn Thiên Mừng	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	15	3.150.000		
TT-HCQT	17	Bùi Hữu Hùng	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	16	3.360.000		
TT-HCQT	18	Bùi Đức Toàn	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	4	840.000		
TT-HCQT	19	Chu Minh Tuấn	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
KHTH	20	Đặng Thị Ánh Tuyết	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	10	2.100.000		
KHTH	21	Nguyễn Thị Thu Phương	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	11	2.310.000		
KHTH	22	Nguyễn Thị Anh Trang	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	10	2.100.000		
	KHOA VI SINH							-		
VI SINH	23	Lê Thùy Mai	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	4	840.000		
VI SINH	24	Phạm Tuấn Oanh	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
VI SINH	25	Phạm Thảo Uyên	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	3	630.000		
VI SINH	26	Trần Văn Tùng	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	3	630.000		
VI SINH	27	Vũ Thị Mận	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	2	420.000		
VI SINH	28	Vũ Thùy Trang	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	4	840.000		
VI SINH	29	Nguyễn Thị Thương	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	3	630.000		
VI SINH	30	Vũ Thùy Dung	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
VI SINH	31	Đào Thị Thu Hoài	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
VI SINH	32	Đoàn Thị Thùy Ninh	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
	KHOA LÂM SÀNG (XN COVID)							-		
Nội HH	33	Phan Văn Thiên	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	3	630.000		
Nội HH	34	Bùi Thị Thanh Hương	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	2	420.000		
Nội HH	35	Nguyễn Hữu Hải	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	2	420.000		
Nội HH	36	Phạm Thị Lan Phương	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
Nội HH	37	Nguyễn Văn Đạt	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	2	420.000		
Nhi	40	Nguyễn Thị Lan	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	2	420.000		
Nhi	41	Vũ Thị Phương Hoa	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
Nhi	42	Nguyễn Thị Dinh	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		

ĐƠN VỊ	STT	Tên cá nhân	Mức hỗ trợ		Từ ngày (mm/dd/yy)	Từ ngày (mm/dd/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
			Phụ cấp thường trực (130.000đ/ngày)	Tiền ăn (80.000đ /phiên trực)						
Nhi	43	Khương Thị Kim Dung	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
Nhi	44	Hoàng Văn Huân	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
Nhi	45	Lê Khắc Hoàng Sơn	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
Nhi	46	Vũ Xuân Văn	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
Nhi	47	Trịnh Thị Lan	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	2	420.000		
Nhi	48	Đặng Thị Thủy	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	2	420.000		
Nhi	49	Phạm Thị Toàn	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	2	420.000		
Nhi	50	Nguyễn Thị Thanh	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
Nhi	51	Lư Quỳnh Nga	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
Nhi	52	Nguyễn Thị Thúy	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
Nhi	53	Vũ Thị Yến	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	2	420.000		
Nhi	54	Nguyễn Thị Tính	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
Nhi	55	Đoàn Thị Phương Anh	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	2	420.000		
Nhi	56	Nguyễn Thị Minh Huyền	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
Nhi	57	Vũ Thị Hương Ngân	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
Nhi	58	Nguyễn Thị Trang	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
Nhi	59	Trần Thị Phương	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
Nhi	60	Nguyễn Văn Doanh	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
Nhi	61	Tô Hồng Nhung	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
PHÒNG KHÁM SÀNG LỌC								-		
HH	62	Trần Mạnh Vũ	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	9	1.890.000		
HH	63	Nguyễn Thị Út	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
Nội TH	64	Phạm Văn Thạnh	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	2	420.000		
Nội TH	65	Nguyễn Thị Huyền	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	6	1.260.000		
Nội TH	66	Trần Anh Tuyền	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	7	1.470.000		
TM	67	Hỷ Thị Lan	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	7	1.470.000		
KKB	68	Trịnh Thị Vân	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
KKB	69	Vũ Thị Hương	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
Huyết học	70	Đinh Văn Dương	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		

ĐƠN VỊ	STT	Tên cá nhân	Mức hỗ trợ		Từ ngày (mm/dd/yy)	Từ ngày (mm/dd/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
			Phụ cấp thường trực (130.000đ/ngày)	Tiền ăn (80.000đ /phiên trực)						
HH	71	Phạm Thị Lan Phương	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	1	210.000		
KKB	72	Vũ Thị Hải Yến	130.000	80.000	1/01/2021	31/01/2021	11	2.310.000		
		Cộng:					221	46.410.000		



Số: 1121 /QĐ-BVT

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 05 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chi hỗ trợ phụ cấp trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19
đối với Cán bộ Y tế- người lao động trong
tháng 12 năm 2020**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính Phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 29/3/2020 của Chính Phủ quy định về một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID – 19;

Căn Cứ Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ Tướng Chính Phủ về quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch;

Căn cứ Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh Quy định mức chi phục vụ cách ly Y tế phục vụ phòng, chống dịch Covid – 19;

Căn cứ Quyết định số 894/QĐ-SYT ngày 04/5/2019 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm của công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Y tế Quảng Ninh;

Căn cứ văn bản số 1427/STC-QLNS ngày 03/4/2020 của Sở tài chính tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn chế độ đặc thù và cá chi phí khác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19;

Xét Nghị quyết cuộc họp ngày 09/4/2020 của Ban chỉ đạo Phòng, chống dịch viêm phổi cấp do chủng mới của Virus Cororona của Bệnh viện đa khoa tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chi hỗ trợ phụ cấp trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19 đối với Cán bộ Y tế – người lao động trong tháng 12 năm 2020. Cụ thể như sau:

- Tháng 12: 46.600.000 đồng.

Số người hưởng PC: 48 người

Số ngày : 233

Điều 2. Tổng số tiền chi: **46.600.000 đồng.**

(Bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn)

Nguồn chi được trích từ nguồn thu dự toán chống dịch Covid – 19
năm 2021 (Ngân sách nhà nước)

Điều 3. Các Ông (bà) trưởng các phòng: TCCB, TCKT, KHTH, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch và các ông bà có tên trong danh sách căn cứ quyết định thi hành./, *Minh*

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC



Trịnh Văn Mạnh

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 245/2020/NQ-HĐND

Nội dung: Chế độ phụ cấp cho cán bộ y tế, quân đội, công an thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở cách ly y tế tập trung (không áp dụng đối với hình thức cách ly tại nhà, nơi cư trú, khách sạn, resort, doanh nghiệp); người tham gia thực hiện nhiệm vụ phân luồng, làm thủ tục cho người nhập cảnh; người bảo vệ khu vực cách ly tại các địa bàn dân cư theo chỉ định của cơ quan QLNN; cán bộ y tế thường trực 24/24h tại các cơ sở điều trị cách ly y tế để chăm sóc, điều trị người mắc, nghi mắc Covid19

(Kèm theo Quyết định số 1121/QĐ-BVT ngày 19/5/2021 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

DVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Khoa	Mức hỗ trợ	Từ ngày (mm/dd/yy)	Từ ngày (mm/dd/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
1	2		3	4	5	6=5-4	7=3*6	8	9
	Tổng cộng (I+II+III)								
I	Người đi giám sát, điều tra, xác minh dịch, người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc bệnh dịch tại cơ sở khám bệnh chữa bệnh							QĐ: 218/QĐ- BVT ngày 01/2/2020	
II	Người vận chuyển người bệnh, bệnh phẩm, bảo quản tử thi người bệnh, người giặt đồ vải, quần áo bác sĩ bệnh nhân, thu gom vỏ chai, lọ, hộp hóa chất; bảo vệ khu điều trị cách ly, vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh trong khu cách ly tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cán bộ y tế thực hiện giám sát dịch tễ, theo dõi y tế tại cơ sở cách ly y tế							QĐ 411/QĐ-BVT ngày 26/03/2020	
1	Mai Thị Thanh Thủy	TPĐD	200.000	01/12/2020	31/12/2020	4	800.000		
2	Phạm Thị Thủy	PPĐD	200.000	01/12/2020	31/12/2020	4	800.000		

3	Vũ Thị Thủy	ĐDV	200.000	01/12/2020	31/12/2020	9	1.800.000		
4	Hoàng Ngọc Lan	C/thương	200.000	01/12/2020	31/12/2020	8	1.600.000		
5	Nguyễn Th Hoài Phương	C/thương	200.000	01/12/2020	31/12/2020	5	1.000.000		
6	Phạm Thị Ngọc	Ngoại	200.000	01/12/2020	31/12/2020	3	600.000		
7	Nguyễn Th Minh Thương	Ngoại	200.000	01/12/2020	31/12/2020	4	800.000		
8	Nịnh Thị Phương	Ngoại	200.000	01/12/2020	31/12/2020	5	1.000.000		
9	Nguyễn Thị Hậu	Ngoại	200.000	01/12/2020	31/12/2020	2	400.000		
10	Nguyễn Thị Trà Mi	Ngoại	200.000	01/12/2020	31/12/2020	3	600.000		
11	Đỗ Thị Kim Tuyến	Ngoại	200.000	01/12/2020	31/12/2020	3	600.000		
12	Hoàng Thị Phương Thảo	T/mạch	200.000	01/12/2020	31/12/2020	9	1.800.000		
13	Vũ Thị Thương	T/mạch	200.000	01/12/2020	31/12/2020	9	1.800.000		
14	Trần Thị Lan	T/mạch	200.000	01/12/2020	31/12/2020	1	200.000		
15	Trần Thị Thu Thảo	NTH	200.000	01/12/2020	31/12/2020	8	1.600.000		
16	Nguyễn Thị Trang	NTH	200.000	01/12/2020	31/12/2020	9	1.800.000		
17	Trương Thị Chiêu Xuân	Hồ hấp	200.000	01/12/2020	31/12/2020	6	1.200.000		
18	Nguyễn Thị Dịu	Phụ Sản	200.000	01/12/2020	31/12/2020	2	400.000		
19	Trần Thị Huyền	Phụ Sản	200.000	01/12/2020	31/12/2020	6	1.200.000		
20	Lương Thanh Hoa	QLCL	200.000	01/12/2020	31/12/2020	6	1.200.000		
21	Đinh Thị Bích Thủy	QLCL	200.000	01/12/2020	31/12/2020	9	1.800.000		
22	Bùi Như Quỳnh	YHCT	200.000	01/12/2020	31/12/2020	10	2.000.000		
23	Dương Thị Hằng	TDCN	200.000	01/12/2020	31/12/2020	8	1.600.000		
24	Nguyễn Thị Huyền Trang	TDCN	200.000	01/12/2020	31/12/2020	7	1.400.000		
25	Vũ Tuyết Minh	TMH	200.000	01/12/2020	31/12/2020	7	1.400.000		
26	Phạm Thị Thanh	Lão khoa	200.000	01/12/2020	31/12/2020	10	2.000.000		
27	Dương Hồng Hà	PHCN	200.000	01/12/2020	31/12/2020	9	1.800.000		
28	Phạm Quốc Huy	GMHS	200.000	01/12/2020	31/12/2020	9	1.800.000		
29	Phạm Văn Sơn	U/bướu	200.000	01/12/2020	31/12/2020	4	800.000		
30	Nguyễn Thúy Hà	U/bướu	200.000	01/12/2020	31/12/2020	1	200.000		
31	Nguyễn Thị Mai Phượng	U/bướu	200.000	01/12/2020	31/12/2020	1	200.000		

32	Lâm Mạnh Kiên	U/bướu	200.000	01/12/2020	31/12/2020	1	200.000		
33	Nguyễn Thị Lan Anh	Nội B	200.000	01/12/2020	31/12/2020	10	2.000.000		
34	Phạm Thị Huế	HSTC	200.000	01/12/2020	31/12/2020	8	1.600.000		
35	Nguyễn Việt Khang	CDHA	200.000	01/12/2020	31/12/2020	3	600.000		
36	Trần Văn Dũng	CDHA	200.000	01/12/2020	31/12/2020	3	600.000		
37	Lê Đức Tuấn	Mất	200.000	01/12/2020	31/12/2020	8	1.600.000		
38	Nguyễn Kim Long	CDHA	200.000	01/12/2020	31/12/2020	1	200.000		
39	Phạm Thị Kim Thoa	Da liễu	200.000	01/12/2020	31/12/2020	1	200.000		
40	Vũ Thị Hương Ngân	Nhi	200.000	01/12/2020	31/12/2020	3	600.000		
41	Nguyễn Thị Hải Thanh	KSNK	200.000	01/12/2020	31/12/2020	1	200.000		
42	Trần Thu Huyền	KSNK	200.000	01/12/2020	31/12/2020	1	200.000		
43	Phùng Thị Tám	KSNK	200.000	01/12/2020	31/12/2020	1	200.000		
44	Nguyễn Ngọc Linh	KSNK	200.000	01/12/2020	31/12/2020	1	200.000		
45	Nguyễn Văn Khắc	KSNK	200.000	01/12/2020	31/12/2020	1	200.000		
46	Trần Xuân Hải	KSNK	200.000	01/12/2020	31/12/2020	2	400.000		
47	Nguyễn Mạnh Cường	TT- HCQT	200.000	01/12/2020	31/12/2020	4	800.000		
48	Phạm Anh Tú	TT- HCQT	200.000	01/12/2020	31/12/2020	3	600.000		
III	Người thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở cách ly tập trung (không phải chuyên môn y tế, không áp dụng đối với hình thức cách ly tại nhà, nơi cư trú, khách sạn...); người tham gia cường chế cách ly y tế, người phiên dịch, đội cấp cứu 115, kíp vận chuyển người cách ly						-	QĐ 139/QĐ-BVT ngày 03/2/2020	
TỔNG CỘNG:						233	46.600.000		

Số: 1122 /QĐ-BVT

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 05 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chi hỗ trợ phụ cấp trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19
đối với Cán bộ Y tế- người lao động trong
tháng 01 năm 2021**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính Phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 29/3/2020 của Chính Phủ quy định về một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID – 19;

Căn cứ Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ Tướng Chính Phủ về quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch;

Căn cứ Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh Quy định mức chi phục vụ cách ly Y tế phục vụ phòng, chống dịch Covid – 19;

Căn cứ văn bản số 1427/STC-QLNS ngày 03/4/2020 của Sở tài chính tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn chế độ đặc thù và cá chi phí khác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19;

Xét Nghị quyết cuộc họp ngày 09/04/2020 của Ban chỉ đạo Phòng, chống dịch viêm phổi cấp do chủng mới của Virus Cororona của Bệnh viện đa khoa tỉnh;

Căn cứ Công văn số 704/SYT-NVY ngày 22/2/2021 của Sở Y tế về việc kiện toàn BCD, kế hoạch và phương án đảm bảo an toàn phòng chống dịch Covid – 19;

Căn cứ quyết định số 260/QĐ-BVT ngày 25/2/2021 của Bệnh viện về kiện toàn Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh Covid – 19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chi hỗ trợ phụ cấp trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19 đối với Cán bộ Y tế – người lao động trong tháng 01 năm 2021. Cụ thể như sau:

- Tháng 01: 49.800.000 đồng.

Số người hưởng PC: 61 người

Số ngày : 249

Điều 2. Tổng số tiền chi: 49.800.000 đồng.

(Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng chẵn)

Nguồn chi được trích từ nguồn thu dự toán chống dịch Covid – 19
năm 2021 (Ngân sách nhà nước)

Điều 3. Các Ông (bà) trưởng các phòng: TCCB, TCKT, KHTH, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch và các ông bà có tên trong danh sách căn cứ quyết định thi hành. / *Min*

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC



Trịnh Văn Mạnh

DANH SÁCH HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 245/2020/NQ-HĐND

Nội dung: Chế độ phụ cấp cho cán bộ y tế, quân đội, công an thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở cách ly y tế tập trung (không áp dụng đối với hình thức cách ly tại nhà, nơi cư trú, khách sạn, resort, doanh nghiệp); người tham gia thực hiện nhiệm vụ phân luồng, làm thủ tục cho người nhập cảnh; người bảo vệ khu vực cách ly tại các địa bàn dân cư theo chỉ định của cơ quan QLNN; cán bộ y tế thường trực 24/24h tại các cơ sở điều trị cách ly y tế để chăm sóc, điều trị người mắc, nghi mắc Covid19

(Kèm theo Quyết định số 1122/QĐ-BVT ngày 19/5/2021 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

ĐVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Khoa	Mức hỗ trợ	Từ ngày (mm/dd/yy)	Từ ngày (mm/dd/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
<i>I</i>	<i>2</i>		<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=5-4</i>	<i>7=3*6</i>	<i>8</i>	<i>9</i>
	Tổng cộng (I+II+III)								
I	Người đi giám sát, điều tra, xác minh dịch, người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc bệnh dịch tại cơ sở khám bệnh chữa bệnh, tách gộp mẫu XN							QĐ: 218QĐ-BVT ngày 01/2/2020	
II	Người vận chuyển người bệnh, bệnh phẩm, bảo quản tử thi người bệnh, người giặt đồ vải, quần áo bác sĩ bệnh nhân, thu gom vỏ chai, lọ, hộp hóa chất; bảo vệ khu điều trị cách ly, vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh trong khu cách ly tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cán bộ y tế thực hiện giám sát dịch tễ, theo dõi y tế tại cơ sở cách ly y tế							QĐ 411/QĐ-BVT ngày 26/03/2020	
1	Phạm Thị Thủy	PTP	200.000	01/01/2021	31/01/2021	6	1.200.000		
2	Vũ Thị Thủy	P ĐD	200.000	01/01/2021	31/01/2021	10	2.000.000		
3	Hoàng Ngọc Lan	C/thương	200.000	01/01/2021	31/01/2021	3	600.000		
4	Nguyễn Th Hoài Phương	C/thương	200.000	01/01/2021	31/01/2021	5	1.000.000		

STT	Tên cá nhân	Khoa	Mức hỗ trợ	Từ ngày (mm/dd/yy)	Từ ngày (mm/dd/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
5	Hà Thị hòa	C/thương	200.000	01/01/2021	31/01/2021	4	800.000		
6	Lục Tuấn Ngọc	C/thương	200.000	01/01/2021	31/01/2021	5	1.000.000		
7	Vũ Thị Thanh Hoa	C/thương	200.000	01/01/2021	31/01/2021	1	200.000		
8	Phạm Thị Ngọc	Ngoại	200.000	01/01/2021	31/01/2021	3	600.000		
9	Nguyễn Th Minh Thương	Ngoại	200.000	01/01/2021	31/01/2021	4	800.000		
10	Nịnh Thị Phương	Ngoại	200.000	01/01/2021	31/01/2021	2	400.000		
11	Nguyễn Thị Hậu	Ngoại	200.000	01/01/2021	31/01/2021	4	800.000		
12	Nguyễn Thị Trà Mi	Ngoại	200.000	01/01/2021	31/01/2021	5	1.000.000		
13	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Ngoại	200.000	01/01/2021	31/01/2021	1	200.000		
14	Hoàng Thị Phương Thảo	T/mạch	200.000	01/01/2021	31/01/2021	3	600.000		
15	Vũ Thị Thương	T/mạch	200.000	01/01/2021	31/01/2021	8	1.600.000		
16	Trần Thị Thu Thảo	NTH	200.000	01/01/2021	31/01/2021	6	1.200.000		
17	Trương Thị Chiêu Xuân	Hô hấp	200.000	01/01/2021	31/01/2021	6	1.200.000		
18	Nguyễn Thị Huệ 1990	Phụ Sản	200.000	01/01/2021	31/01/2021	9	1.800.000		
19	Lương Thanh Hoa	QLCL	200.000	01/01/2021	31/01/2021	7	1.400.000		
20	Đinh Thị Bích Thủy	QLCL	200.000	01/01/2021	31/01/2021	9	1.800.000		
21	Bùi Như Quỳnh	YHCT	200.000	01/01/2021	31/01/2021	1,5	300.000		
22	Dương Thị Thảo	YHCT	200.000	01/01/2021	31/01/2021	9	1.800.000		
23	Dương Thị Hằng	TDCN	200.000	01/01/2021	31/01/2021	5	1.000.000		
24	Nguyễn Thị Huyền Trang	TDCN	200.000	01/01/2021	31/01/2021	7	1.400.000		
25	Đỗ Thị Phương	TMH	200.000	01/01/2021	31/01/2021	9	1.800.000		
26	Vũ Tuyết Minh	TMH	200.000	01/01/2021	31/01/2021	2,5	500.000		
27	Lê Đức Tuấn	Mắt	200.000	01/01/2021	31/01/2021	11	2.200.000		
28	Phạm Thị Thanh	Lão khoa	200.000	01/01/2021	31/01/2021	9	1.800.000		

STT	Tên cá nhân	Khoa	Mức hỗ trợ	Từ ngày (mm/dd/yy)	Từ ngày (mm/dd/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
29	Dương Hồng Hà	PHCN	200.000	01/01/2021	31/01/2021	7,5	1.500.000		
30	Lê Đình Quân	H/Học	200.000	01/01/2021	31/01/2021	2	400.000		
31	Vũ Thị Hương Ngân	Nhi	200.000	01/01/2021	31/01/2021	6	1.200.000		
32	Nguyễn Thị Trang	Nhi	200.000	01/01/2021	31/01/2021	10	2.000.000		
33	Vũ Văn Minh	GMHS	200.000	01/01/2021	31/01/2021	7	1.400.000		
34	Phạm Văn Sơn	Ung bướu	200.000	01/01/2021	31/01/2021	1	200.000		
35	Vũ Thị Thu	Ung bướu	200.000	01/01/2021	31/01/2021	1	200.000		
36	Bùi Thị Diệu	Ung bướu	200.000	01/01/2021	31/01/2021	2	400.000		
37	Lâm Mạnh Kiên	Ung bướu	200.000	01/01/2021	31/01/2021	3	600.000		
38	Nguyễn Thị Mai Phương	Ung bướu	200.000	01/01/2021	31/01/2021	4	800.000		
39	Nguyễn Thị Lan Anh	Nội B	200.000	01/01/2021	31/01/2021	8,5	1.700.000		
40	Trần Văn Dũng	CDHA	200.000	01/01/2021	31/01/2021	1	200.000		
41	Lê Tiến Tùng	CDHA	200.000	01/01/2021	31/01/2021	5	1.000.000		
42	Lê Minh Long	CDHA	200.000	01/01/2021	31/01/2021	5	1.000.000		
43	Lại Thị Duyên	Da Liễu	200.000	01/01/2021	31/01/2021	1	200.000		
44	Phạm Ngọc Bích	PKCS2	200.000	01/01/2021	31/01/2021	1	200.000		
45	Nguyễn Thị Bảy	PKĐK	200.000	01/01/2021	31/01/2021	1	200.000		
46	Lài Thị Thu	PKCS2	200.000	01/01/2021	31/01/2021	1	200.000		
47	Nguyễn Thị Thu Trang	PKCS2	200.000	01/01/2021	31/01/2021	1	200.000		
48	Lê Văn Tuyển	PKCS2	200.000	01/01/2021	31/01/2021	1	200.000		
49	Đào Thúy Vân	PKCS2	200.000	01/01/2021	31/01/2021	1	200.000		
50	Đỗ Thị Hạnh	PKĐK	200.000	01/01/2021	31/01/2021	1	200.000		
51	Nguyễn Thị Hải Thanh	KSNK	200.000	01/01/2021	31/01/2021	1	200.000		
52	Phạm Thị Lan Hương	KSNK	200.000	01/01/2021	31/01/2021	1	200.000		

STT	Tên cá nhân	Khoa	Mức hỗ trợ	Từ ngày (mm/dd/yy)	Từ ngày (mm/dd/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
53	Phùng Thị Tám	KSNK	200.000	01/01/2021	31/01/2021	1	200.000		
54	Đỗ Thị Thu	KSNK	200.000	01/01/2021	31/01/2021	1	200.000		
55	Nguyễn Thị Như	KSNK	200.000	01/01/2021	31/01/2021	1	200.000		
56	Vũ Thị Nhài	KSNK	200.000	01/01/2021	31/01/2021	2	400.000		
57	Hoàng Thị Lan	KSNK	200.000	01/01/2021	31/01/2021	2	400.000		
58	Trần Xuân Hải	KSNK	200.000	01/01/2021	31/01/2021	2	400.000		
59	Nguyễn Ngọc Linh	KSNK	200.000	01/01/2021	31/01/2021	2	400.000		
60	Nguyễn Mạnh Cường	TT- HCQT	200.000	01/01/2021	31/01/2021	5	1.000.000		
61	Phạm Anh Tú	TT- HCQT	200.000	01/01/2021	31/01/2021	5	1.000.000		
III	Người thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở cách ly tập trung (không phải chuyên môn y tế, không áp dụng đối với hình thức cách ly tại nhà, nơi cư trú, khách sạn...); người tham gia cưỡng chế cách ly y tế, người phiên dịch, đội cấp cứu 115, kíp vận chuyển người cách ly						-	QĐ 139/QĐ-BVT ngày 03/2/2020	
TỔNG CỘNG:						249	49.800.000		



BẢNG THANH TOÁN ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG
(Kèm theo Giấy rút dự toán/ủy nhiệm chi số DT52 ngày 26 tháng 05 năm 2021)

Tài khoản dự toán:

Tài khoản tiền gửi : 9527.2.1017339

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

2. Mã đơn vị: 1017339

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng : Số tài khoản: 440280701009 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam- CN Quảng Ninh

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Trục Covid T12+T01

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó							Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công thưởng xuyên lao động theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	Tiền học bổng	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	Tổng cộng:			176.200.000					176.200.000			
1	Bui Duc Toan	44010000434323	BIDV Quảng Ninh	1.050.000					1.050.000			
2	Bui Huu Hung	44010000085527	BIDV Quảng Ninh	6.720.000					6.720.000			
3	Bui Nhu Quynh	44010000478118	BIDV Quảng Ninh	2.300.000					2.300.000			
4	Bui Thi Dieu	44010000817890	BIDV Quảng Ninh	400.000					400.000			
5	Bui Thi Nguyet Anh	44010000606052	BIDV Quảng Ninh	2.310.000					2.310.000			
6	Bui Thi Thanh Huong	44010000296055	BIDV Quảng Ninh	1.680.000					1.680.000			
7	Bui Thi Trung Hau	44010000083008	BIDV Quảng Ninh	210.000					210.000			
8	Chu Minh Tuan	44010000656844	BIDV Quảng Ninh	630.000					630.000			
9	Dang Thi Anh Tuyen	44010000646872	BIDV Quảng Ninh	3.780.000					3.780.000			
10	Dang Thi Lan Anh	44010000125335	BIDV Quảng Ninh	420.000					420.000			
11	Dang Thi Thuy	44010000084746	BIDV Quảng Ninh	420.000					420.000			
12	Dang Thi Thuy	44010000090211	BIDV Quảng Ninh	2.940.000					2.940.000			
13	Dao Phuong Diem	44010000459478	BIDV Quảng Ninh	630.000					630.000			

14	Dao Thi Thu Hoai	44010000206355	BIDV Quảng Ninh	210.000					210.000			
15	Dao Thi Thu Huong	44010000479661	BIDV Quảng Ninh	420.000					420.000			
16	Dao Thuy Van	44010000084153	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
17	Dinh Thi Bich Thuy	44010000119763	BIDV Quảng Ninh	3.600.000					3.600.000			
18	Dinh Thi Hai Ha	44010000356144	BIDV Quảng Ninh	630.000					630.000			
19	Dinh Tuan Anh	44010000313802	BIDV Quảng Ninh	630.000					630.000			
20	Dinh Van Duong	44010000205787	BIDV Quảng Ninh	210.000					210.000			
21	Dinh Viet Hai	44010000082290	BIDV Quảng Ninh	630.000					630.000			
22	Do Thi Hanh	44010000615508	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
23	Do Thi Kim Tuyen	44010000616608	BIDV Quảng Ninh	800.000					800.000			
24	Do Thi Phuong	44010000324354	BIDV Quảng Ninh	1.800.000					1.800.000			
25	Do Thi Thu	44010000086405	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
26	Doan Thi Phuong Anh	44010000312252	BIDV Quảng Ninh	420.000					420.000			
27	Doan Thi Thuy Ninh	44010000421477	BIDV Quảng Ninh	210.000					210.000			
28	Duong Hong Ha	44010000620627	BIDV Quảng Ninh	3.300.000					3.300.000			
29	Duong Thi Hang	44010000616671	BIDV Quảng Ninh	2.600.000					2.600.000			
30	Duong Thi Thao	44010000179439	BIDV Quảng Ninh	1.800.000					1.800.000			
31	Ha Thi Hoa	44010000615632	BIDV Quảng Ninh	800.000					800.000			
32	Hoang Ngoc Lan	44010000701425	BIDV Quảng Ninh	2.200.000					2.200.000			
33	Hoang Thi Lan	44010000309546	BIDV Quảng Ninh	400.000					400.000			
34	Hoang Thi Phuong Thao	44010000616088	BIDV Quảng Ninh	2.400.000					2.400.000			
35	Hoang Van Huan	44010000295973	BIDV Quảng Ninh	210.000					210.000			
36	Hy Thi Lan	44010000529867	BIDV Quảng Ninh	2.940.000					2.940.000			
37	Khuong Thi Kim Dung	44010000335772	BIDV Quảng Ninh	210.000					210.000			
38	Lai Thi Duyen	44010000477902	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
39	Lai Thi Thu	44010000137561	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
40	Lam Manh Kien	44010000635171	BIDV Quảng Ninh	800.000					800.000			
41	Le Dinh Quan	44010000258754	BIDV Quảng Ninh	400.000					400.000			
42	Le Duc Tuan	44010000811209	BIDV Quảng Ninh	3.800.000					3.800.000			
43	Le Khắc Hoang Son	44010000413155	BIDV Quảng Ninh	210.000					210.000			
44	Le Minh Long	44010000810613	BIDV Quảng Ninh	1.000.000					1.000.000			

45	Le Thuy Mai	44010000360826	BIDV Quảng Ninh	1.050.000						1.050.000		
46	Le Tien Tung	44010000810561	BIDV Quảng Ninh	1.000.000						1.000.000		
47	Le Van Tuyen	44010000082582	BIDV Quảng Ninh	200.000						200.000		
48	Lu Quynh Nga	44010000179217	BIDV Quảng Ninh	210.000						210.000		
49	Luc Tuan Ngoc	44010000618914	BIDV Quảng Ninh	1.000.000						1.000.000		
50	Luong Thanh Hoa	44010000651724	BIDV Quảng Ninh	2.600.000						2.600.000		
51	Mai Thi Thanh Thuy	44010000084409	BIDV Quảng Ninh	800.000						800.000		
52	Nguyen Huu Hai	44010000478385	BIDV Quảng Ninh	630.000						630.000		
53	Nguyen Huy Tien	44010000053579	BIDV Quảng Ninh	2.730.000						2.730.000		
54	Nguyen Kim Long	44010000701489	BIDV Quảng Ninh	200.000						200.000		
55	Nguyen Manh Cuong	44010000086797	BIDV Quảng Ninh	1.800.000						1.800.000		
56	Nguyen Ngoc Linh	44010000259474	BIDV Quảng Ninh	600.000						600.000		
57	Nguyen Thi Anh Trang	44010000083567	BIDV Quảng Ninh	4.410.000						4.410.000		
58	Nguyen Thi Dinh	44010000301700	BIDV Quảng Ninh	210.000						210.000		
59	Nguyen Thi Diu	44010000356108	BIDV Quảng Ninh	400.000						400.000		
60	Nguyen Thi Hai Thanh	44010000084366	BIDV Quảng Ninh	400.000						400.000		
61	Nguyen Thi Hau	44010000701276	BIDV Quảng Ninh	1.200.000						1.200.000		
62	Nguyen Thi Hoai Phuong	44010000588071	BIDV Quảng Ninh	2.000.000						2.000.000		
63	Nguyen Thi Hue(Yc)(1990)	44010000309272	BIDV Quảng Ninh	1.800.000						1.800.000		
64	Nguyen Thi Huyen	44010000460647	BIDV Quảng Ninh	1.260.000						1.260.000		
65	Nguyen Thi Huyen Trang	44010000360747	BIDV Quảng Ninh	2.800.000						2.800.000		
66	Nguyen Thi Lan	44010000085004	BIDV Quảng Ninh	420.000						420.000		
67	Nguyen Thi Lan Anh	44010000082148	BIDV Quảng Ninh	3.700.000						3.700.000		
68	Nguyen Thi Mai Phuong	44010000701063	BIDV Quảng Ninh	1.000.000						1.000.000		
69	Nguyen Thi Minh Huyen	44010000705843	BIDV Quảng Ninh	210.000						210.000		
70	Nguyen Thi Minh Thuong	44010000701142	BIDV Quảng Ninh	1.600.000						1.600.000		
71	Nguyen Thi Nhu	44010000102709	BIDV Quảng Ninh	200.000						200.000		
72	Nguyen Thi Thanh	44010000084047	BIDV Quảng Ninh	210.000						210.000		
73	Nguyen Thi Thu Phuong	44010000205583	BIDV Quảng Ninh	4.830.000						4.830.000		
74	Nguyen Thi Thu Trang	44010000615650	BIDV Quảng Ninh	200.000						200.000		
75	Nguyen Thi Thuong	44010000701498	BIDV Quảng Ninh	630.000						630.000		

76	Nguyen Thi Thuy	44010000478394	BIDV Quảng Ninh	210.000						210.000			
77	Nguyen Thi Tinh	44010000420845	BIDV Quảng Ninh	210.000						210.000			
78	Nguyen Thi Tra Mi	44010000616592	BIDV Quảng Ninh	1.600.000						1.600.000			
79	Nguyen Thi Trang	44010000811801	BIDV Quảng Ninh	4.010.000						4.010.000			
80	Nguyen Thi Ut	44010000530160	BIDV Quảng Ninh	840.000						840.000			
81	Nguyen Thien Mung	44010000085402	BIDV Quảng Ninh	6.300.000						6.300.000			
82	Nguyen Thuy Ha	44010000705773	BIDV Quảng Ninh	200.000						200.000			
83	Nguyen Van Dat	44010000252145	BIDV Quảng Ninh	420.000						420.000			
84	Nguyen Van Doanh	44010000311514	BIDV Quảng Ninh	210.000						210.000			
85	Nguyen Van Khac	44010000085369	BIDV Quảng Ninh	200.000						200.000			
86	Nguyen Viet Khang	44010000616024	BIDV Quảng Ninh	600.000						600.000			
87	Ninh Thi Phuong	44010000701249	BIDV Quảng Ninh	1.400.000						1.400.000			
88	Pham Anh Tu	44010000572773	BIDV Quảng Ninh	1.600.000						1.600.000			
89	Pham Ngoc Bich	44010000120428	BIDV Quảng Ninh	200.000						200.000			
90	Pham Quang Tuan Anh	44010000615997	BIDV Quảng Ninh	840.000						840.000			
91	Pham Quoc Huy	44010000455689	BIDV Quảng Ninh	1.800.000						1.800.000			
92	Pham Thao Uyen	44010000085086	BIDV Quảng Ninh	840.000						840.000			
93	Pham Thi Anh Tuyet	44010000615395	BIDV Quảng Ninh	420.000						420.000			
94	Pham Thi Bong	44010000083150	BIDV Quảng Ninh	420.000						420.000			
95	Pham Thi Hue	44010000701133	BIDV Quảng Ninh	1.600.000						1.600.000			
96	Pham Thi Kim Thoa	44010000082485	BIDV Quảng Ninh	200.000						200.000			
97	Pham Thi Lan Huong	44010000086104	BIDV Quảng Ninh	200.000						200.000			
98	Pham Thi Lan Phuong	44010000620609	BIDV Quảng Ninh	630.000						630.000			
99	Pham Thi Ngoc	44010000701285	BIDV Quảng Ninh	1.200.000						1.200.000			
100	Pham Thi Thanh	44010000810516	BIDV Quảng Ninh	3.800.000						3.800.000			
101	Pham Thi Thuy	44010000082014	BIDV Quảng Ninh	2.000.000						2.000.000			
102	Pham Thi Toan	44010000084065	BIDV Quảng Ninh	420.000						420.000			
103	Pham Tuan Oanh	44010000371396	BIDV Quảng Ninh	420.000						420.000			
104	Pham Van Nga	44010000473812	BIDV Quảng Ninh	420.000						420.000			
105	Pham Van Son	44010000615252	BIDV Quảng Ninh	1.000.000						1.000.000			
106	Pham Van Thanh	44010000529432	BIDV Quảng Ninh	1.890.000						1.890.000			

107	Phan Van Thien	44010000539538	BIDV Quảng Ninh	630.000						630.000			
108	Phung Thi Tam	44010000205802	BIDV Quảng Ninh	400.000						400.000			
109	To Hong Nhung	44010000479430	BIDV Quảng Ninh	210.000						210.000			
110	Tran Anh Tuyen	44010000592054	BIDV Quảng Ninh	2.310.000						2.310.000			
111	Tran Manh Vu	44010000592470	BIDV Quảng Ninh	1.890.000						1.890.000			
112	Tran Nhat Toan	44010000476158	BIDV Quảng Ninh	630.000						630.000			
113	Tran Thi Bay	44010000239379	BIDV Quảng Ninh	2.720.000						2.720.000			
114	Tran Thi Huyen(Nhs)	44010000356409	BIDV Quảng Ninh	1.200.000						1.200.000			
115	Tran Thi Lan	44010000478145	BIDV Quảng Ninh	200.000						200.000			
116	Tran Thi Phuong	44010000084445	BIDV Quảng Ninh	210.000						210.000			
117	Tran Thi Thu Thao	44010000701267	BIDV Quảng Ninh	2.800.000						2.800.000			
118	Tran Thu Huyen	44010000086113	BIDV Quảng Ninh	200.000						200.000			
119	Tran Van Dung	44010000467639	BIDV Quảng Ninh	800.000						800.000			
120	Tran Van Tung	44010000421565	BIDV Quảng Ninh	840.000						840.000			
121	Tran Xuan Hai	44010000085253	BIDV Quảng Ninh	800.000						800.000			
122	Trinh Thi Lan	44010000205495	BIDV Quảng Ninh	420.000						420.000			
123	Trinh Thi Van	44010000082528	BIDV Quảng Ninh	210.000						210.000			
124	Trinh Van Manh	44010000259553	BIDV Quảng Ninh	2.520.000						2.520.000			
125	Truong Thi Chieu Xuan	44010000701586	BIDV Quảng Ninh	2.400.000						2.400.000			
126	Vu Anh Tuan	44010000087806	BIDV Quảng Ninh	2.520.000						2.520.000			
127	Vu Thi Hai Yen	44010000102718	BIDV Quảng Ninh	2.310.000						2.310.000			
128	Vu Thi Huong	44010000479528	BIDV Quảng Ninh	210.000						210.000			
129	Vu Thi Man	44010000616644	BIDV Quảng Ninh	420.000						420.000			
130	Vu Thi Nhai	44010000086195	BIDV Quảng Ninh	400.000						400.000			
131	Vu Thi Phuong Hoa	44010000084144	BIDV Quảng Ninh	210.000						210.000			
132	Vu Thi Phuong Ngan	44010000701045	BIDV Quảng Ninh	2.010.000						2.010.000			
133	Vu Thi Thanh Hoa	44010000812415	BIDV Quảng Ninh	200.000						200.000			
134	Vu Thi Thu	44010000701708	BIDV Quảng Ninh	200.000						200.000			
135	Vu Thi Thuong	44010000701258	BIDV Quảng Ninh	3.400.000						3.400.000			
136	Vu Thi Thuy	44010000082555	BIDV Quảng Ninh	3.800.000						3.800.000			
137	Vu Thi Yen	44010000208306	BIDV Quảng Ninh	420.000						420.000			

138	Vu Thuy Dung	44010000820454	BIDV Quảng Ninh	210.000					210.000			
139	Vu Thuy Trang	44010000616635	BIDV Quảng Ninh	1.050.000					1.050.000			
140	Vu Tuyen Minh	44010000178764	BIDV Quảng Ninh	1.900.000					1.900.000			
141	Vu Van Minh	44010000701124	BIDV Quảng Ninh	1.400.000					1.400.000			
142	Vu Viet Anh	44010000120659	BIDV Quảng Ninh	210.000					210.000			
143	Vu Xuan Van	44010000111334	BIDV Quảng Ninh	210.000					210.000			
144	Vuong Thi Lo	44010000477878	BIDV Quảng Ninh	210.000					210.000			

Bảng chữ: Một trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng

XÁC NHẬN CỦA NGÂN HÀNG



LẬP BIỂU

[Signature]

NGUYỄN THÀNH TRUNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

[Signature]

NGUYỄN THỊ VINH

DUYỆT LÃNH ĐẠO



TRẦN VĂN MẠNH

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày tháng năm 2021

Chuyên viên kiểm soát chi/giao dịch viên

Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng
được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận huyện

Mẫu số 16a1
Ký hiệu C2-02a/NS

Số: PT.../ 210526_1017339_2811012
Năm NS: 2021

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thực chi ☒ Tạm ứng ☐ Chuyển khoản ☐
Tiền mặt tại KB ☒
Tiền mặt tại NH ☐

Đơn vị rút dự toán: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Tài khoản: 9527.2.1017339

Tại KBNN: VP KBNN Quảng Ninh

Tên CTMT, DA:

Mã CTMT, DA:

Số CKC, HĐK:

Số CKC, HĐH:

Nội dung thanh toán	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Rút tiền ăn cho người bị áp dụng biện pháp cách ly Tháng 12/2020 + tháng 01/2021	7799	423	132	12	12.560.000
Tổng cộng					12.560.000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Mười hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn./.

Đơn vị nhận tiền:

Địa chỉ:

Tài khoản:

Hoặc người nhận tiền: Nguyễn T Mai Hương

Số CMND: 031171002574 Cấp ngày: 20/10/2016

Tại KBNN (NH):

Nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư

PHẦN KBNN GHI

Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Mã ĐBHC:

Ngày...tháng...năm ...

Người nhận tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 27 tháng 05 năm 2021

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người ký: Nguyễn Thị Vinh
Ngày ký: 27/05/2021 09:53:03
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Thị Vinh

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Người ký: Trịnh Văn Mạnh
Ngày ký: 27/05/2021 16:03:48
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Trịnh Văn Mạnh

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 31 tháng 05 năm 2021

Thủ quỹ

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc

Người ký: Nguyễn Thị Mai Chi
Ngày ký: 27/05/2021 14:32:00
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Quảng Ninh

Nguyễn Thị Mai Chi

Người ký: Lê Thị Hồng Vân
Ngày ký: 27/05/2021 14:46:01
Chức danh: Phó giám đốc
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh

Lê Thị Hồng Vân

Mẫu số 07

Mã hiệu:.....

Số: M01/ 210526_1017339_2811013

BẢNG KÊ NỘI DUNG THANH TOÁN/TẠM ỨNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán, Ủy nhiệm chi, Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng số: 210526_1017339_2811012 Năm Ngân sách)

Đơn vị sử dụng Ngân sách: Bệnh viện đa khoa
tỉnh Quảng Ninh
Mã đơn vị: 1017339
Mã nguồn: 01
Mã CTMTQG, Dự án ODA:

Thanh toán trực tiếp ☒
Tạm ứng ☐
Thu hồi tạm ứng ☐

STT	Hóa đơn		Chứng từ		Mã NDKT	Nội dung chi	Số tiền			
	Số	Ngày/tháng/năm	Số	Ngày/tháng/năm			Số lượng	Định mức	Đơn giá thực tế	Thành tiền
1			PT...	25/05/2021	7799	Rút tiền ăn cho người bị áp dụng biện pháp cách ly Tháng 12/2020 + tháng 01/2021	157,00	80.000	80.000	12.560.000
Tổng cộng số tiền bằng số:										12.560.000

Tổng số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn./.

Trong đó: Số thu hồi tạm ứng.....Số thanh toán :Mười hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn./.

Kế toán trưởng

Người ký: Nguyễn Thị Vinh
Ngày ký: 27/05/2021 06:53:03
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Thị Vinh

Ngày 27 tháng 05 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

Người ký: Trịnh Văn Mạnh
Ngày ký: 27/05/2021 10:03:48
Chức danh: Chủ trì khoản
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Trịnh Văn Mạnh

Số: 1169 /QĐ-BVT

Quảng Ninh, ngày 26 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chi tiền ăn cho nhân viên y tế và bệnh nhân trong khu vực khoanh vùng,
cách ly y tế tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính Phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 894/QĐ-SYT ngày 04/5/2019 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm của công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Y tế Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 230/QĐ-BVT ngày 18/02/2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh về việc phê duyệt danh sách các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly y tế;

Căn cứ Quyết định số 238/QĐ-BVT ngày 20/02/2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh về việc phê duyệt danh sách các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly y tế;

Xét đề nghị của trường khoa Dinh dưỡng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chi tiền ăn cho nhân viên y tế và bệnh nhân trong khu vực khoanh vùng cách ly y tế tại khoa Bệnh nhiệt Đới của Bệnh viện từ ngày 28/01/2021 đến 28/02/2021 (danh sách chi tiết kèm theo).

Mức chi cụ thể: 80.000 đồng/người/ngày x 157 ngày.

Điều 2. Tổng số tiền chi: **12.560.000 đồng.**

(Bằng chữ: Mười hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

Nguồn chi được trích nguồn kinh phí phòng, chống dịch COVID-19.

Điều 3. Các Ông (bà) trong Ban Giám đốc, Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19, trưởng các phòng: TCCB, TCKT, và các ông bà có tên trong danh sách căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TCCB.



BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH
KHOA DINH DƯỠNG

DANH SÁCH THANH TOÁN TIỀN ĂN NHÂN VIÊN Y TẾ VÀ BỆNH NHÂN CÁCH LY Y TẾ
DO COVID 19

Từ ngày 28 tháng 1 đến ngày 28 tháng 2 năm 2021

STT	Họ tên	Đối tượng cách ly		Số ngày cách ly	Số tiền/ngày	Cộng
		Bệnh nhân	NVYT			
1	NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	x		5	80.000	400.000
2	VŨ THỊ XIM	x		4	80.000	320.000
3	NGUYỄN VĂN ĐỨC	x		5	80.000	400.000
4	VŨ THỊ HÒA	x		10	80.000	800.000
5	NGUYỄN HUY ĐẠT	x		3	80.000	240.000
6	LÊ THỊ DIỆU ANH	x		3	80.000	240.000
7	TRỊNH CÔNG THÀNH	x		4	80.000	320.000
8	VŨ HỮU KIÊM	x		4	80.000	320.000
9	PHẠM NGỌC MẠNH	x		4	80.000	320.000
10	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	x		10	80.000	800.000
11	TẠ MINH HẢI	x		8	80.000	640.000
12	PHẠM THỊ XA	x		9	80.000	720.000
13	PHẠM THỊ YẾN	x		9	80.000	720.000
14	PHẠM HOÀNG VINH	x		3	80.000	240.000
15	LÊ VĂN KHOA	x		6	80.000	480.000
16	NGUYỄN THỊ LIÊN	x		7	80.000	560.000
17	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	x		3	80.000	240.000
18	NGUYỄN THỊ HÀ PHƯƠNG	x		3	80.000	240.000
19	NGÔ THỊ HẢI PHƯƠNG	x		2	80.000	160.000
20	VƯƠNG THỊ QUỲNH TRANG	x		2	80.000	160.000
21	ĐỒNG VĂN TÔ		x	11	80.000	880.000
22	ĐỒNG QUYẾT CHIẾN		x	11	80.000	880.000
23	HOÀNG THỊ PHƯƠNG THẢO		x	11	80.000	880.000
24	CHU TUẤN THÀNH		x	11	80.000	880.000
25	NGUYỄN XUÂN THANH		x	9	80.000	720.000
Tổng số: 25 người				157	80.000	12.560.000

(Bằng chữ: Mười hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn)



Trịnh Văn Mạnh

Trưởng phòng TCKT TK Dinh dưỡng

Nguyễn Thị Vinh

Lập bảng

Trần Thị Thu Hương

Giang Thị Hải



Người ký: Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
Ngày ký: 31/05/2021 11:36:33
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh
Nội dung: Đã hoàn thành thanh toán

Mẫu số 16a1
Ký hiệu C2-02a/NS

Số: .DT51/ 210526_1017339_2811014

Năm NS: 2021

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thực chi ☒

Tạm ứng ☐

Chuyển khoản ☒

Tiền mặt tại KB ☐

Tiền mặt tại NH ☐

Đơn vị rút dự toán: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Tài khoản: 9527.2.1017339

Tại KBNN: VP KBNN Quảng Ninh

Tên CTMT, DA:

Mã CTMT, DA:

Số CKC, HĐK:

Số CKC, HĐTH:

Nội dung thanh toán	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Rút dự toán nộp vào tài khoản tiền gửi tại kho bạc: Tiền viện phí điều trị bệnh nhân Covid T12/2020 +T01/2021 theo Hóa đơn số: 12153 ngày 26/05/2021	7001	423	132	12	2.914.000
Tổng cộng					2.914.000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Hai triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng chẵn./.

Đơn vị nhận tiền: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Tài khoản: 3714.0.1017339.00000

Tại KBNN (NH): Kho bạc Nhà Nước Quảng Ninh

Hoặc người nhận tiền:

Số CMND:

Cấp ngày:

Nơi cấp:

PHẦN KBNN GHI

Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Mã ĐBHC:

Ngày...tháng...năm ...

Người nhận tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 27 tháng 05 năm 2021

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người ký: Nguyễn Thị Vinh
Ngày ký: 27/05/2021 08:52:48
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Thị Vinh

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Người ký: Trịnh Văn Mạnh
Ngày ký: 27/05/2021 10:04:01
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Trịnh Văn Mạnh

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 28 tháng 05 năm 2021

Thủ quỹ

Kế toán

Kế toán trưởng

Người ký: Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
Ngày ký: 28/05/2021 09:16:25
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Giám đốc

Người ký: Nguyễn Thị Tuyết Minh
Ngày ký: 28/05/2021 11:17:52
Chức danh: Phó giám đốc
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh

Nguyễn Thị Tuyết Minh

Mẫu số 07

Mã hiệu:.....

Số: M01/ 210526_1017339_2811015

BẢNG KÊ NỘI DUNG THANH TOÁN/TẠM ỨNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán, Ủy nhiệm chi, Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng số: 210526_1017339_2811014 Năm Ngân sách)

Đơn vị sử dụng Ngân sách: Bệnh viện đa khoa
tỉnh Quảng Ninh
Mã đơn vị: 1017339
Mã nguồn: 01
Mã CTMTQG, Dự án ODA:

Thanh toán trực tiếp ☒
Tạm ứng ☐
Thu hồi tạm ứng ☐

STT	Hóa đơn		Chứng từ		Mã NDKT	Nội dung chi	Số tiền			
	Số	Ngày/tháng/năm	Số	Ngày/tháng/năm			Số lượng	Định mức	Đơn giá thực tế	Thành tiền
1	12153	26/05/2021	.DT51	26/05/2021	7001	Rút dự toán nộp vào tài khoản tiền gửi tại kho bạc: Tiền viện phí điều trị bệnh nhân Covid T12/2020 +T01/2021 theo Hóa đơn số: 12153 ngày 26/05/2021			0	2.914.000
Tổng cộng số tiền bằng số:										2.914.000

Tổng số tiền viết bằng chữ: Hai triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng chẵn./.

Trong đó: Số thu hồi tạm ứng.....Số thanh toán :Hai triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng chẵn./.

Kế toán trưởng

Người ký: Nguyễn Thị Vinh
Ngày ký: 27/05/2021 08:52:48
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Thị Vinh

Ngày 27 tháng 05 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

Người ký: Trịnh Văn Mạnh
Ngày ký: 27/05/2021 10:04:01
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Trịnh Văn Mạnh

**BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH**

Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh - P. Bạch Đằng - TP. Hạ Long - Quảng Ninh

Điện thoại: 0203.3626 535 - 0203.3825 489

Mã số thuế: 5700391598

Số tài khoản:

Mẫu số: 02GTTT0/001

Ký hiệu: VP/21E

Số: 0012153

HÓA ĐƠN BÁN HÀNG

Ngày 26 tháng 05 năm 2021

Số phiếu: 16227

Số quyền:

Ký hiệu quyền: VPDI_HANG02

Họ tên người mua hàng: -

Tên đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, Phường Bạch Đằng, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Mã số thuế:

Hình thức thanh toán: **Chuyển khoản**

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Thanh toán tiền KCB cho người nghi mắc covid T12/2020 + T1/2021				2.914.000

Tổng tiền bán hàng hóa dịch vụ:

2.914.000

Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature Valid

Ký bởi: BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Ký ngày: 26/05/2021

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI CHỨNG MINH XUẤT XỨ NGUỒN GỐC

Ngày 26 tháng 05 năm 2021

Người chuyển đổi

Hóa đơn điện tử (HDDT) được tra cứu trực tuyến tại <https://bvdkgq.vnpt-invoice.com.vn/SearchInvByFkey/index>. Mã tra cứu:

2021052688888880095026

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 245/2020/NQ-HĐND
Nội dung: Chi phí khám, chữa bệnh khác trong thời gian cách ly y tế tập trung (không tính phần thanh toán từ quỹ BHYT)

ĐVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Từ ngày (mm/dd/yy)	Từ ngày (mm/dd/yy)	Kinh phí hỗ trợ	Chứng từ, hóa đơn khám chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng cộng					
1	TRỊNH ANH THƯ	28/1	29/1	200.000		
2	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	28/1	29/1	200.000		
3	NGUYỄN HẢI HÙNG	28/1	29/1	200.000		
4	LÊ THỊ HỒNG CẨM	26/1	29/1	192.100		
5	NGUYỄN VIỆT KHOA	28/1	29/1	342.114		
6	PHAN THỊ HẢI YẾN	29/1	30/1	1.187.900		
7	LÊ NGỌC DUNG	29/1	29/1	200.000		
8	NGUYỄN THỊ NGỌC HOA	28/1	30/1	392.397		
				2.914.511		